

Lesson Overview

Giving business advice to a company



You are a consultant, and you have a conversation with a manager of a company in which you will give business advice to his /her company.

How will you give business advice to a company?

Useful language

Words and Expressions

Meaning

Starting the conversation

- | | | |
|---|---|---|
| 1 | Good morning, [name]. Our company has been facing some [area of advice] challenges. Can you give us advice, please? | Chào buổi sáng, [tên]. Công ty chúng tôi đang phải đối mặt với một số thách thức về [lĩnh vực tư vấn]. Bạn có thể cho chúng tôi lời khuyên được không? |
| 2 | Definitely, [name]. I'm honored to be here to give advice on enhancing [area of advice] to drive your business's success. | Chắc chắn rồi, [tên]. Tôi rất vinh dự được có mặt ở đây để đưa ra lời khuyên về việc nâng cao [lĩnh vực lời khuyên] nhằm thúc đẩy sự thành công cho doanh nghiệp của bạn. |

Area of advice

- | | | |
|---|------------------------------|------------------------------------|
| 4 | human resources management | quản lý nguồn nhân lực |
| 5 | customer experience | trải nghiệm khách hàng |
| 6 | market research and analysis | nghiên cứu và phân tích thị trường |

Lesson Overview

	Words and Expressions	Meaning
Giving business advice		
7	Let's start with [name of advice]. You should [description].	Hãy bắt đầu với [tên lời khuyên]. Bạn nên [miêu tả].
8	What advice do you want to share with me?	Bạn muốn chia sẻ với tôi lời khuyên nào?
9	Regarding [name of advice], I suggest that you [description].	Về [tên lời khuyên], tôi khuyến nghị bạn [miêu tả].
10	Thank you for your suggestion. It's so helpful and practical.	Cảm ơn bạn đã gợi ý. Nó rất hữu ích và thiết thực.
11	Additionally, in terms of [name of advice], think about [description].	Ngoài ra, về [tên lời khuyên], hãy nghĩ về [miêu tả].
12	This is excellent advice, and I'm eager to hear more advice.	Đây là lời khuyên tuyệt vời và tôi mong muốn được nghe thêm lời khuyên.
13	On the subject of [name of advice], I would advise you to [description].	Về chủ đề [tên lời khuyên], tôi khuyên bạn nên [miêu tả].
Name of advice		
14	recruitment	tuyển dụng
15	hiring processes	quy trình tuyển dụng
16	employee satisfaction and retention	sự hài lòng và giữ chân nhân viên
17	workplace conflicts	xung đột nơi làm việc
18	understanding your target market	hiểu thị trường mục tiêu của bạn
19	meeting our customers' expectations	đáp ứng sự mong đợi của khách hàng

Lesson Overview

	Words and Expressions	Meaning
20	handling customer complaints and issues	xử lý các khiếu nại và vấn đề của khách hàng
21	building customer loyalty	xây dựng lòng trung thành của khách hàng
22	market trends and changes	xu hướng và thay đổi của thị trường
23	competitor analysis	phân tích đối thủ cạnh tranh
24	pricing strategies	chiến lược định giá
25	customer needs and preferences	nhu cầu và sở thích của khách hàng
Description		
26	highlight your company's culture, values, and opportunities for growth in your job postings to attract top talent	nêu bật văn hóa, giá trị và cơ hội phát triển của công ty bạn trong các tin tuyển dụng để thu hút nhân tài hàng đầu
27	use structured interviews to ensure a more comprehensive evaluation of candidates	sử dụng các cuộc phỏng vấn có cấu trúc để đảm bảo đánh giá ứng viên toàn diện hơn
28	creating a comprehensive onboarding program to help new hires adapt to your company culture and their roles.	tạo ra một chương trình giới thiệu toàn diện để giúp những nhân viên mới thích ứng với văn hóa công ty của bạn và vai trò của họ.
29	encourage open communication and provide conflict resolution training for managers and employees	khuyến khích giao tiếp cởi mở và cung cấp đào tạo để giải quyết xung đột giữa người quản lý và nhân viên

Lesson Overview

	Words and Expressions	Meaning
30	gather information about their needs and preferences; use surveys, feedback forms, and customer interviews to collect valuable data	thu thập thông tin về nhu cầu và sở thích của họ; sử dụng khảo sát, biểu mẫu phản hồi và phỏng vấn khách hàng để thu thập dữ liệu có giá trị
31	offer personalized recommendations or exclusive offers based on their past interactions with your company	đưa ra đề xuất được cá nhân hóa hoặc ưu đãi độc quyền dựa trên tương tác trước đây của họ với công ty bạn
32	training your team to listen actively, resolve issues professionally, and turn unhappy customers into satisfied ones	đào tạo đội ngũ của bạn biết lắng nghe tích cực, giải quyết vấn đề một cách chuyên nghiệp và biến những khách hàng không hài lòng thành những khách hàng hài lòng
33	show appreciation to your loyal customers through exclusive offers, early access to products, or thank-you notes	thể hiện sự đánh giá cao đối với khách hàng trung thành của bạn thông qua các ưu đãi độc quyền, quyền truy cập sớm vào sản phẩm hoặc đưa ra lời cảm ơn
34	identify emerging trends and changing consumer preferences	xác định các xu hướng mới nổi và sự thay đổi sở thích của người tiêu dùng
35	perform a SWOT analysis to evaluate their strengths, weaknesses, opportunities, and threats to build your own strategies and help you stand out	thực hiện phân tích SWOT để đánh giá điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và mối đe dọa của họ nhằm xây dựng chiến lược của riêng bạn và giúp bạn nổi bật
36	adjusting your production costs and market prices based on market feedback and competition	điều chỉnh chi phí sản xuất và giá trên thị trường dựa trên phản hồi của thị trường và cạnh tranh

Lesson Overview

	Words and Expressions	Meaning
37	gather customer feedback through surveys, focus groups, and online reviews to ensure they align with customer expectations	thu thập phản hồi của khách hàng thông qua khảo sát, nhóm tập trung và đánh giá trực tuyến để đảm bảo chúng phù hợp với mong đợi của khách hàng
Ending the conversation		
38	Thank you, [name], for your valuable advice. We'll start implementing these strategies right away.	Cảm ơn [tên] vì lời khuyên quý giá của bạn. Chúng tôi sẽ bắt đầu thực hiện các chiến lược này ngay lập tức.
39	You're welcome, [name]. Remember, effective [area of advice] can significantly contribute to your company's success. If you have any questions or need further assistance, feel free to reach out.	Không có gì, [tên]. Hãy nhớ rằng, [lĩnh vực tư vấn] hiệu quả có thể góp phần đáng kể vào sự thành công của công ty bạn. Nếu bạn có bất kỳ câu hỏi nào hoặc cần hỗ trợ thêm, vui lòng liên hệ.